NGHIÊN CỨU CAN THIỆP VỀ VIÊM PHỔI LIÊN QUAN ĐẾN THỞ MÁY TẠI KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

ThS. BS. Đặng Thị Vân Trang
Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
Bệnh viện Chợ Rẫy

ĐẶT VẤN ĐỀ

- VPBV: quan trọng hiện nay
- VPLQTM: 90% các VPBV tại khoa HSCC
- Nguy cơ xuất hiện VPLQTM tăng từ ngày thứ 5 điều trị tại khoa SSĐB, tỉ lệ khoảng 3%/tuần 1, tăng 2% mỗi ngày/tuần 2 và khoảng 1% mỗi ngày/tuần lễ sau.
- Tỷ lệ tử vong cao 2 đến 10 lần.
- Tỷ lệ tử vong VPBV chiếm tỷ lệ từ 54% đến 71% và thường do *Pseudomonas* hoặc *Acinetobacter*.
- VPBV làm tăng thời gian nằm viện từ 5 – 7 ngày, tăng chi phí điều trị lên từ 5,800 đến 40, 000 USD

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Tại Việt Nam: điều tra toàn quốc 2005 trên 19 BV, VPBV chiếm tỉ lệ cao nhất trong số các NKBV (55,4%).
- Theo 24 nghiên cứu ở các bệnh viện trong toàn quốc, tỉ lệ VPBV dao động từ 21-75% NKBV.
- Tỉ lệ VPLQTM đặc biệt cao trong nhóm bệnh nhân nằm tại khoa HSCC (43-63,5/1000 máy thở-ngày).

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Sự phát triển biofilm trong các ống thở: nguồn gây VPLQTM
- Việc loại bỏ biofilm trong quá trình khử khuẩn dây thở: rất khó khăn, đòi hỏi khâu làm sạch phải được thực hiện kỹ lưỡng
- Khuyến nghị dùng dây thở và các bộ phận hỗ trợ một lần sẽ giúp phòng ngừa VPLQTM
- Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả của việc sử dụng dây thở dùng một lần đối với VPLQTM tại khoa HSCC, Bệnh viện Chợ Rẫy.

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Mục tiêu tổng quát

- Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng dây thở dùng một lần đối với VPLQTM tại khoa HSCC, Bệnh viện Chợ Rẫy.

Mục tiêu chuyên biệt

- Xác định tỉ lệ viêm phổi liên quan thở máy (VPLQTM)
- So sánh tỉ lệ VPLQTM giữa hai nhóm bệnh nhân: nhóm dùng dây thở sử dụng lại và nhóm dùng dây thở sử dụng một lần

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- **Nghiên cứu so sánh ngẫu nhiên mở**
- **Tiêu chuẩn chọn bệnh:**
  - + Bệnh nhân cần thở máy bằng máy thở Raphael
  - + Không viêm phổi ở thời điểm nhập viện
- **Tiêu chuẩn loại trừ:**
  - Bệnh nhân đã có viêm phổi trước thở máy
  - Bệnh nhân không đồng ý tham gia nghiên cứu
- **Cở mẫu:** 160 bệnh nhân, 80 bệnh nhân ở mỗi nhóm . Cở mẫu này được tính dựa trên giả thuyết tỉ lệ VPLQTM là 40%, giảm còn 20% trong nhóm sử dụng một lần.

KẾT QUẢ và BÀN LUẬN

1. Đặc tính chung của bệnh nhân trong nhóm nghiên cứu

Đặc tính bệnh nhân	Dây máy thở dùng lại		Dây máy thở dùng 1 lần		p
	N = 88	%	N = 90	%	
Tuổi trung bình (ĐLC)	48,8	21,0	49,9	21,8	0,73
Giới					
Nam	55	62,5	56	62,2	0,97
Nữ	33	37,5	34	37,8	
Bệnh kèm	35	39,8	35	38,9	0,9
Hôn mê lúc nhập	23	26,1	33	36,7	0,13
SIRS	33	37,5	47	52,2	0,06
Suy hô hấp cấp	76	86,4	76	84,4	0,72
ARDS	5	5,7	3	3,3	0,45
Suy thận cấp	30	34,1	29	32,2	0,79
Suy gan cấp	22	25,0	19	21,1	0,54

KẾT QUẢ và BÀN LUẬN

- **Đặc tính chung của bệnh nhân trong nhóm nghiên cứu**

Đặc tính bệnh nhân	Dây máy thở dùng lại		Dây máy thở dùng 1 lần		p
	N = 88	%	N = 90	%	
Đặt nội khí quản	86	97,7	89	98,9	0,55
Mở khí quản	6	6,8	6	8,7	0,97
Thở máy	85	96,6	89	98,9	0,30
Nuôi ăn tĩnh mạch	68	77,3	70	77,8	0,94
Nuôi ăn bằng ống	62	70,5	66	77,3	0,67
Catheter tĩnh mạch trung tâm	60	68,2	67	74,4	0,36
Catheter động mạch	33	37,5	32	35,6	0,79
Catherter tĩnh mạch ngoại biên	55	62,5	59	65,6	0,67
Đặt nội khí quản	86	97,7	89	98,9	0,55

KẾT QUẢ và BÀN LUẬN

2. Tỉ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện

Đặc tính bệnh nhân	Dây máy thở dùng lại		Dây máy thở dùng 1 lần	
	N = 88	%	N = 90	%
NKBV chung	16	18,2	16	17,8
VPLQTM	15	17,0	9	10,0
NKVM	4	4,6	3	3,3
NK Huyết	11	12,5	8	8,9
NK Niệu	4	4,6	1	1,1

KẾT QUẢ và BÀN LUẬN

2. Tỉ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện

Đặc tính bệnh nhân	Dây máy thở dùng lại		Dây máy thở dùng 1 lần	
	N = 88	%	N = 90	%
VPLQTM/1000 ngày thở máy	15/631,4	23,7	9/636,4	14,1
NTH/1000 ngày đặt catheter	11/268,6	40,9	8/365,4	21,9
NTT/1000 ngày đặt sonde tiểu	4/436,8	9,2	3/545,2	5,5

KẾT QUẢ và BÀN LUẬN

2. Tỉ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện

Đặc tính bệnh nhân	Dây máy thở dùng lại		Dây máy thở dùng 1 lần		Tỉ lệ giảm
	N = 88	%	N = 90	%	
NKBV chung	16	18,2	16	17,8	2,2%
VPLQTM	15	17,0	9	10,0	41,2%
VPLQTM/1000 ngày thở máy	15/631,4	23,7	9/636,4	14,1	40,5%

KẾT QUẢ và BÀN LUẬN

3. Kết quả cuối cùng

Đặc tính bệnh nhân	Dây máy thở dùng lại		Dây máy thở dùng 1 lần	
	N = 88	%	N = 90	%
Xuất viện	0	0	1	1,1
Chuyển khoa	52	59,1	60	66,7
Chết/nặng về	36	40,9	29	32,2

KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy:

- Tỉ lệ VPLQTM ở nhóm sử dụng dây máy thở 1 lần thấp ở nhóm sử dụng dây máy thở dùng lại.
- Cần làm thêm các nghiên cứu đánh giá hiệu quả kinh tế để có bằng chứng thuyết phục hơn về việc dùng dây thở sử dụng 1 lần.

Chân thành cám ơn